TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 763/2022/DS-PT
Ngày: 16 - 11 -2022
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Minh

Ông Nguyễn Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 656/2020/TLPT-DS ngày 22/12/2020 về việc: *"Tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2020/DS-ST ngày 07/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2021/QĐ-PT ngày 03 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn*:** Ông Lê Phương D, sinh năm 1951, (Có mặt).

Nơi cư trú: Đường Ng, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trương Thị H, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, (Có mặt).

***- Bị đơn*:**

1/. Bà Huỳnh Thị Th, sinh năm 1961.

2/. Chị Lê Phương Bảo Tường V, sinh năm 1996.

3/. Anh Lê Phương K, sinh năm 1979.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Th, chị V, anh K: Anh Lê Kỳ H (Giấy ủy quyền ngày 18/7/2017 và ngày 16/7/2019), (Có mặt).

4/. Anh Lê Kỳ H, sinh năm 1985, (Có mặt).

Cùng cư trú: tổ 18, ấp Đ, xã M, huyện Ch, tỉnh An Giang.

***-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

1/. Bà Lê Thị Bích Ph, sinh năm 1961.

Nơi cư trú: tổ 20, ấp Đ, xã M, huyện Ch, tỉnh An Giang.

2/. Bà Lê Thị Bích Th1, sinh năm 1963.

Nơi cư trú: tổ 29, ấp L, xã L1, huyện Ch, tỉnh An Giang.

3/. Anh Lê Lâm T, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: L2, Phường 9, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ph, bà Th1, anh T: Ông Lê Phương D (Giấy ủy quyền ngày 13 và ngày 16/6/2017), (Có mặt).

4/. Bà Lê Thị Kim Th2, sinh năm 1949.

Nơi cư trú: H A. T, FL – USA, (Xin vắng mặt).

5/. Anh Lê Kỳ C, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: đường B, phường A, Quận 2 (nay là thành phố Th), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của anh C: Anh Lê Kỳ H (Giấy ủy quyền ngày 18/7/2017), (Có mặt).

6/. Bà Lâm Ngọc A, sinh năm 1946, (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: đường T, Phường 6, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi tạm trú: đường số 15, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

7/. Ủy ban nhân dân huyện Ch, tỉnh An Giang, (có văn bản xin xét xử vắng mặt).

-Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Phương D; Bị đơn bà Huỳnh Thị Th, anh Lê Phương K, anh Lê Kỳ H, chị Lê Phương Bảo Tường V; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Kỳ C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Lê Phương D trình bày:

Cha mẹ của ông là cụ Lê Bảo Ng, chết năm 1994 và cụ Nguyễn Thị S, chết năm 1990 có 06 người con gồm: Ông Lê Phương D; bà Lê Thị Bích Ph; bà Lê Thị Bích Th1; ông Lê Phương B, chết năm 1972 có vợ là bà Lâm Ngọc A và con là anh Lê Lâm T; bà Lê Thị Kim Th2; ông Lê Phương B1, chết năm 2011 có vợ là bà Huỳnh Thị Th và con là anh Lê Kỳ H, chị Lê Phương Bảo Tường V, anh Lê Phương K, anh Lê Kỳ C.

Trước khi chết cha mẹ không để lại di chúc, về di sản thừa kế của cha mẹ để lại gồm:

- Phần đất diện tích 7.295,4m^2, tọa lạc tại ấp Đ, xã M, huyện Ch, tỉnh An Giang do cha Lê Bảo Ng đứng tên Bằng khoán và sử dụng từ năm 1945 đến năm 1994. Sau khi cha chết, ông B1 tự kê khai và đã được UBND huyện Ch cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03837/rB ngày 14/12/2001 cho ông B1 mà không được sự đồng ý của các đồng thừa kế. Hiện nay đất do bà Th và các con là anh H, chị V, anh K, anh C quản lý sử dụng. Ông D yêu cầu được chia di sản thừa kế diện tích 6.321,3m^2, còn diện tích 974,10m^2, căn nhà và cây trồng trên đất ông không tranh chấp.

- Phần đất diện tích 24.200m^2 đo đạc thực tế có diện tích 23.787m^2 (lý do diện tích đất bị giảm là do Nhà nước đào kênh, mở đường), tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện Ch, tỉnh An Giang do cha là cụ Lê Bảo Ng đứng tên Bằng khoán. Sau khi cha chết, ông B1 tự ý kê khai và đã được UBND huyện Ch cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01501QSDĐ/rB ngày 03/6/1994 cho ông B1 mà không được sự đồng ý của các đồng thừa kế. Hiện nay đất do bà Th và các con là anh H, chị V, anh K, anh C quản lý sử dụng. Ông D yêu cầu được chia thừa kế phần đất diện tích 23.264m^2, còn diện tích 523m^2 đã chuyển nhượng cho ông Phạm Trường D1 thì ông không tranh chấp.

- Phần đất diện tích 10.061m^2 đo đạc thực tế có diện tích 8.268m^2 (lý do diện tích đất bị giảm là do Nhà nước đào kênh, mở đường), tọa lạc tại ấp Đ, xã M, huyện Ch, tỉnh An Giang do cha là cụ Lê Bảo Ng đứng tên Bằng khoán. Sau khi cha chết, ông B1 tự ý kê khai và đã được UBND huyện Ch cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01521 QSDĐ/rB ngày 26/02/1994 cho ông B1 mà không được sự đồng ý của các đồng thừa kế. Hiện nay đất do bà Ph và bà Th1 đang quản lý sử dụng.

Ông yêu cầu được chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại đối với các phần đất trên theo quy định của pháp luật, ông yêu cầu được nhận đất để sử dụng và yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01521 QSDĐ/rB ngày 26/02/1994; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03837/rB ngày 14/12/2001 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01501 QSDĐ/rB ngày 03/6/1994 đều cấp cho ông B1.

Về giá trị đất và cây trồng trên đất các đương sự thống nhất theo Biên bản định giá tài sản ngày 09/8/2017 và ngày 29/3/2018.

Bị đơn là bà Huỳnh Thị Th, chị Lê Phương Bảo Tường V, anh Lê Phương K ủy quyền cho anh Lê Kỳ H và anh Lê Kỳ H trình bày:

Bà Th và các anh chị thống nhất về hàng thừa kế như ông D đã trình bày trên và khi cụ Ng, cụ S chết không để lại di chúc.

Về nguồn gốc đất do các cố để lại cho cụ Ng và cụ S, sau đó cụ Ng và cụ S có chúc ngôn để lại cho ông Lê Phương B1 và bà Huỳnh Thị Th để thờ cúng tổ tiên, ông bà nhưng không làm giấy tờ. Hiện nay bà Th và các con là anh H, chị V, anh K, anh C đang quản lý sử dụng đất gồm:

- Căn nhà gắn liền với phần đất diện tích 7.295,4m^2, tọa lạc tại ấp Đ, xã M, huyện Ch, tỉnh An Giang đã được UBND huyện Ch cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03837/rB ngày 14/12/2001 cho ông B1, trên đất mẹ con bà Th có trồng 505 cây xoài.

- Phần đất diện tích 24.200m^2 đo đạc thực tế có diện tích 23.787m^2 (do Nhà nước đào kênh và mở đường nên diện tích đất bị giảm), tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện Ch, tỉnh An Giang và đã được UBND huyện Ch cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01501 QSDĐ/rB ngày 03/6/1994 cho ông B1, trên đất mẹ con bà Th có trồng 1.640 cây xoài.

- Riêng phần đất diện tích 10.061m^2 đo đạc thực tế có diện tích 8.268m^2 (do Nhà nước đào kênh và mở đường nên diện tích đất bị giảm), tọa lạc tại ấp Đ, xã M, huyện Ch, tỉnh An Giang đã được UBND huyện Ch cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01521 QSDĐ/rB ngày 26/02/1994 cho ông B1 nhưng đất bà Ph và bà Th1 quản lý sử dụng, trên đất bà Ph và bà Th1 có trồng 560 cây xoài.

Bà Th và các con không đồng ý chia di sản thừa kế theo yêu cầu của ông D và không đồng ý hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông B1. Hiện nay đất các ông bà đang sử dụng không cầm cố, cho thuê và không thế chấp vay tiền của tổ chức hoặc cá nhân nào.

Về giá trị đất và cây trồng gắn liền với đất anh H thống nhất theo Biên bản định giá tài sản ngày 09/8/2017 và ngày 29/3/2018. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H yêu cầu được định giá lại các tài sản đang tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị Bích Ph, bà Lê Thị Bích Th1, anh Lê Lâm T ủy quyền cho ông Lê Phương D trình bày: Các ông bà thống nhất về hàng thừa kế, di sản thừa kế và yêu cầu chia di sản thừa kế như ông D đã trình bày trên.

Anh Lê Kỳ C ủy quyền cho anh Lê Kỳ H trình bày: Anh C thống nhất về hàng thừa kế, di sản thừa kế và không đồng ý phân chia di sản thừa kế như bị đơn đã trình bày trên.

Bà Lê Thị Kim Th2 trình bày (tại Giấy khước từ quyền thừa kế ngày 20/11/2014 và ngày 15/6/2017): Cha mẹ của bà là cụ Ng và cụ S có 06 người con như nguyên đơn trình bày. Nay bà viết giấy này để từ chối quyền thừa kế tài sản của cha mẹ để lại. Bà xin khước từ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và không tham gia vụ kiện đã được quý Tòa nêu trong Thông báo số 282/TB-TLVA ngày 25/5/2017. Hiện nay, bà đang định cư và ổn định cuộc sống tại Hoa Kỳ nên xin rút tên ra khỏi danh sách thừa kế theo pháp luật trong vụ kiện này. Bà xin cam kết sau này sẽ không tranh chấp về quyền sở hữu tài sản này.

Bà Lâm Ngọc A trình bày:

Năm 1970, bà kết hôn với ông Lê Phương B là con của cụ Ng và cụ S. Bà và ông B có 01 con chung tên Lê Lâm T. Năm 1972 ông B chết, năm 1975 bà kết hôn lần 2 và sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh đến nay. Theo truyền thống cũng như theo thông lệ thì kể từ năm 1975 bà không còn liên quan đến tài sản hay di sản thừa kế của cụ Ng và cụ S. Anh T là con của ông B và cháu nội của cụ Ng, cụ S là người thừa kế theo pháp luật. Đề nghị Tòa án không đưa bà vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bà không tham gia tố tụng trong vụ án này, vì 45 năm qua bà đã có gia đình riêng và cuộc sống riêng không liên quan đến tài sản, di sản thừa kế của cụ Ng, cụ S. Bà cam kết không khiếu nại

về phán quyết của Tòa án đối với vụ kiện dân sự nêu trên và xin phép vắng mặt tại Tòa án các cấp.

Ủy ban nhân dân huyện Ch trình bày: Về nguồn gốc đất do cha mẹ ông B1 là cụ Ng và cụ S để lại. Quá trình sử dụng đất, ông B1 sống chung với cha mẹ từ nhỏ và đã quản lý các khu đất trước khi cụ Ng mất vào ngày 15/3/1993. Vào năm 1994, ông B1 kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện Ch cấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01501 QSDĐ/rB ngày 03/6/1994 diện tích 24.200m^2, mục đích sử dụng đất: Thổ cư, trồng lúa (2L) + ao, tọa lạc tại xã T1, huyện Ch và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01521 QSDĐ/rB ngày 26/02/1994 diện tích 10.061m^2, mục đích sử dụng đất chuyên dùng khác và trồng lúa, tọa lạc tại xã T1, huyện Ch. Năm 2001, ông B1 tiếp tục kê khai đăng ký và được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03837/rB ngày 14/12/2001 diện tích 7.295,4m^2, tờ bản đồ số 60, thửa đất số 115, 119, 120, 121, tọa lạc tại ấp Đ, xã M, huyện Ch.

Việc cấp 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01501 QSDĐ/rB ngày 03/6/1994, số 01521 QSDĐ/rB ngày 26/02/1994 và số 03837/rB ngày 14/12/2001 cho ông B1 là đúng đối tượng và trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải, xét xử vắng mặt đối với UBND huyện Ch.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2020/DS-ST ngày 07/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

1. Căn cứ:

- Khoản 5 Điều 26, khoản 4 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 280, điểm b khoản 1 Điều 470, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 138, Điều 140, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

- Điểm a Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phương D yêu cầu được chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật của cụ Lê Bảo Ng, chết năm 1994 và cụ Nguyễn Thị S, chết năm 1990.

3. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Bảo Ng, chết năm 1994 và cụ Nguyễn Thị S, chết năm 1990 có 06 người con gồm: (1) Ông Lê Phương D, (2) bà Lê Thị Bích Ph, (3) bà Lê Thị Bích Th1, (4) bà Lê Thị Kim Th2, (5) ông Lê Phương B (Đã chết) có người thừa kế theo pháp luật là anh Lê Lâm T và bà Lâm Ngọc A, (6) ông Lê Phương B1 (Đã chết) có người thừa kế theo pháp luật là bà Huỳnh Thị Th, anh Lê Kỳ H, chị Lê Phương Bảo Tường V, anh Lê Phương K, anh Lê Kỳ C.

4. Di sản thừa kế của cụ Lê Bảo Ng, chết năm 1994 và cụ Nguyễn Thị S, chết năm 1990 được chia thừa kế theo quy định của pháp luật gồm:

4.1. Phần đất diện tích 6.321,3m^2, tọa lạc tại ấp Đ, xã M, huyện Ch, tỉnh An Giang đã được UBND huyện Ch cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03837/rB ngày 14/12/2001 cho ông Lê Phương B1 trị giá 583.278.000đ.

4.2. Phần đất diện tích 23.264m^2, tọa lạc tại xã T1, huyện Ch, tỉnh An Giang đã được UBND huyện Ch cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01501 QSDĐ/fB ngày 03/6/1994 cho ông Lê Phương B1 trị giá 1.238.804.400đ.

4.3. Phần đất diện tích 8.268m^2, tọa lạc tại ấp Đ, xã M, huyện Ch, tỉnh An Giang đã được UBND huyện Ch cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01521 QSDĐ/rB ngày 26/02/1994 cho ông Lê Phương B1 trị giá 413.400.000đ.

5. Bà Huỳnh Thị Th, anh Lê Kỳ H, chị Lê Phương Bảo Tường V, anh Lê Phương K, anh Lê Kỳ C được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất diện tích 23.264m^2 theo Sơ đồ khu đất tranh chấp do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Ch lập ngày 08/12/2017 được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 8, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, tọa lạc tại xã T1, huyện Ch, tỉnh An Giang trị giá 1.238.804.400đ và phần đất diện tích 6.321,3m^2 theo Sơ đồ khu đất tranh chấp do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Ch lập ngày 08/12/2017 được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 5, 6 có diện tích 3.880,7m^2; các điểm 5, 6, 7, 8 có diện tích 928,9m^2 và các điểm 1, 2, 3, 4, 5 có diện tích 1.511,7m^2, tọa lạc tại ấp Đ, xã M, huyện Ch, tỉnh An Giang trị giá 583.278.000đ.

6. Bà Lê Thị Bích Ph và bà Lê Thị Bích Th1 được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất diện tích 8.268m^2 theo Sơ đồ khu đất tranh chấp do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Ch lập ngày 08/12/2017 được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, tọa lạc tại ấp Đ, xã M, huyện Ch, tỉnh An Giang trị giá 413.400.000đ.

7. Bà Huỳnh Thị Th, anh Lê Kỳ H, chị Lê Phương Bảo Tường V, anh Lê Phương K, anh Lê Kỳ C được trích một phần công sức tôn tạo, giữ gìn làm tăng giá trị đất là 279.435.300đ.

8. Bà Lê Thị Bích Ph và bà Lê Thị Bích Th1 được trích một phần công sức tôn tạo, giữ gìn làm tăng giá trị đất là 93.145.100đ.

9. Bà Huỳnh Thị Th, anh Lê Kỳ H, chị Lê Phương Bảo Tường V, anh Lê Phương K, anh Lê Kỳ C được sở hữu 01 suất thừa kế của ông Lê Phương B1 trị giá 372.580.400đ.

10. Bà Huỳnh Thị Th, anh Lê Kỳ H, chị Lê Phương Bảo Tường V, anh Lê Phương K, anh Lê Kỳ C có nghĩa vụ giao lại cho ông Lê Phương D và anh Lê Lâm T mỗi người 01 suất thừa kế trị giá 372.580.400đ (Ba trăm bảy mươi hai triệu năm trăm tám mươi nghìn bốn trăm đồng).

11. Bà Huỳnh Thị Th, anh Lê Kỳ H, chị Lê Phương Bảo Tường V, anh Lê Phương K, anh Lê Kỳ C có nghĩa vụ giao lại cho bà Lê Thị Bích Ph và bà Lê Thị Bích Th1 số tiền 424.905.900đ (Bốn trăm hai mươi bốn triệu chín trăm lẻ năm nghìn chín trăm đồng).

12. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phương D, hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01521 QSDĐ/rB ngày 26/02/1994; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01501 QSDĐ/rB ngày 03/6/1994 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03837/rB ngày 14/12/2001 đều cấp cho ông Lê Phương B1.

13. Các đương sự phải liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm, ngày 20/8/2020 nguyên đơn ông Lê Phương D có đơn kháng cáo với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chưa tuyên rõ ràng về diện tích đất mồ mả 649m^2 và diện tích đường đi vào khu mồ mả 515,5m^2; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giao cho gia đình ông B1 diện tích đất 500m^2, trên đất có nhà của ông B1 xây dựng trong phần đất 7.295,4m^2 để trả công cho ông B1 và gia đình vì có công sức cải tạo phần đất này. Diện tích đất còn lại khoảng 5.630,7m^2 đề nghị chia hiện vật cho các thừa kế. Đối với phần đất ruộng 24.200m^2 (đo thực tế 23.787m^2) đề nghị trả công cải tạo đất cho gia đình ông B1 bằng 525m^2 đất mà ông B1 đã tự ý bán cho ông Phạm Trường D1 và gia đình ông B1 đã thụ hưởng. Đề nghị định giá lại tài sản vì đất được định giá từ năm 2018.

Ngày 15/9/2020, các đồng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Kỳ C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì các chứng cứ trong hồ sơ đều thể hiện các diện tích đất mà nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế thì không phải là đất của cụ Ng và cụ S mà ông B1 đã được ông nội là cụ Lê Văn Trọng (cha của cụ Ng) giao gìn giữ làm hương hỏa thờ cúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 12/3/2021, nguyên đơn ông Lê Phương D tiếp tục yêu cầu định giá lại tài sản vì ông cho rằng giá đất từ năm 2018 đến nay có sự thay đổi.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như nêu trên. Hội đồng xét xử thảo luận và chấp nhận yêu cầu định giá lại tài sản của ông D. Tại biên bản làm việc ngày 23/3/2021 nguyên đơn và bị đơn không thống nhất được đơn vị tiến hành định giá lại tài sản nên có yêu cầu đề nghị Toà án chỉ định đơn vị thực hiện việc định giá tài sản. Ngày 06/4/2021, Toà án nhân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ủy thác cho Toà án cấp sơ thẩm thực hiện việc định giá lại tài sản. Ngày 26/4/2021, Toà án cấp sơ thẩm chỉ định Công ty Cổ phần thẩm định giá Đ, địa chỉ: đường Tr, khóm Đ, phường M1, thành phố L, An Giang tiến hành thẩm định giá tài sản. Ngày 22/6/2021 Công ty CP thẩm định giá Đ cung cấp chứng thư thẩm định giá số 363BĐS/2021/CT.ĐA. Anh Lê Kỳ H không đồng ý với kết quả định giá của Công ty Cổ phần thẩm định giá Đ và có yêu cầu định giá lại. Tại biên bản làm việc ngày 09/8/2022, nguyên đơn, bị đơn đồng ý để Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chỉ định công ty định giá; các bên thống nhất lấy kết quả này làm căn cứ giải quyết vụ án. Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã trưng cầu Công ty TNHH Định giá C, địa chỉ: đường P, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thẩm định giá tài sản. Ngày 30/9/2022, Công ty TNHH Định giá C cung cấp chứng thư thẩm định giá số 3653HCM/2022/CT-TĐG/AVC.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn ông D thống nhất với kết quả định giá của Công ty TNHH Định giá C; bị đơn anh Lê Kỳ H cho rằng việc định giá của Công ty C là không đúng pháp luật vì đã không định giá đất có cây trồng trên đất.

Nguyên đơn ông Lê Phương D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử chia di sản thừa kế bằng hiện vật vì diện tích đất là lớn đủ điều kiện chia bằng hiện vật và ông có nhu cầu được sử dụng đất do tổ tiên để lại.

Bị đơn anh Lê Kỳ H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và xác định toàn bộ diện tích đất tranh chấp là cha ông đã được tặng cho để dùng vào việc thờ cúng tổ tiên, có xác nhận của những người trong thân tộc, ông được nghe kể lại như vậy. Tuy nhiên, trong trường hợp Tòa án xác định toàn bộ diện tích đất là di sản thừa kế thì ông yêu cầu được nhận toàn bộ hiện vật và thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế khác vì cha mẹ ông và các con đều sinh ra lớn lên trên đất này, có thời gian gắn bó lâu dài, nhiều kỷ niệm nên muốn được tiếp tục gìn giữ đất đai của tổ tiên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu:

Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ và kết quả thẩm vấn công khai tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận các diện tích tranh chấp là di sản của cụ Ng, cụ S để lại. Ông D tha thiết mong được chia di sản bằng hiện vật vì ông có nhu cầu về quê sinh sống trên đất của tổ tiên, đồng thời căn cứ theo quy định của pháp luật thì khi di sản đủ điều kiện chia hiện vật thì phải xem xét nhu cầu của các thừa kế muốn được nhận hiện vật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và sửa án sơ thẩm chia di sản thừa kế bằng hiện vật cho các đồng thừa kế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Các đương sự đều thống nhất cụ Ng và cụ S chết không để lại di chúc, các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện các diện tích đất tranh chấp là di sản thừa kế của cụ Ng, cụ S để lại như án sơ thẩm nhận định là có căn cứ. Khi chia di sản thừa kế, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét đến công sức gìn giữ, cải tạo đất của bên bị đơn cũng như những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Th1, bà Ph là đã đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Đối với kháng cáo của ông D đề nghị được nhận di sản bằng hiện vật thì thấy rằng từ trước đến nay ông D sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, không có thời gian sử dụng, canh tác trên đất, trong khi đó gia đình bà Th đã sử dụng ổn định từ lâu vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xem xét chia di sản bằng hiện vật cho gia đình bà Th và chia cho ông D nhận giá trị bằng tiền là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm các đương sự đều có yêu cầu định giá lại tài sản, Tòa án cấp phúc thẩm đã trưng cầu Công ty TNHH Định giá C tiến hành định giá lại tài sản tranh chấp là đúng pháp luật. Sau khi định giá lại thì do có sự thay đổi về giá trị di sản nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm về giá trị di sản chia cho các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng về hình thức, nội dung và được nộp trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định nên kháng cáo của các đương sự này là hợp lệ, được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ tranh chấp và xác định còn thời hiệu khởi kiện là đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố dụng dân sự; Điều 36 Pháp lệnh số 44-LCT/HĐNN88 ngày 10/9/1990 của Hội đồng nhà nước; điểm d, khoản 1 Điều 688; khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự 2015; khoản 4, Điều 4 Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tố tụng hành chính thì từ ngày 01/01/2017.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm c Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng tư cách các đương sự theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Xét kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

[5.1] Diện tích đất các bên tranh chấp gồm: Diện tích đất 7.295,4m^2, tờ bản đồ số 60, thửa số 115, 119, 120, 121, mục đích sử dụng đất thổ cư, lâu năm khác, nghĩa địa, tọa lạc tại ấp Đ, xã M, huyện Ch, tỉnh An Giang, đã được UBND huyện Ch cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03837/rB ngày 14/12/2001 cho ông B1; diện tích đất 24.200m^2 nhưng đo đạc thực tế có diện tích 23.787m^2 (lý do đất bị giảm là do Nhà nước đào kênh và mở đường), tờ bản đồ số 3, số thửa 3855, 3856, 3857, 3858, 3859, 3860, 3861, 3863, 3864, 3865, 4877, 4879, 4880, mục đích sử dụng đất thổ cư, đất trồng lúa và ao, tọa lạc tại xã T, huyện Ch, tỉnh An Giang, đã được UBND huyện Ch cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01501 QSDĐ/fB ngày 03/6/1994 cho ông B1; diện tích 10.061m^2 nhưng đo đạc thực tế có diện tích 8.268m^2 (lý do đất bị giảm là do Nhà nước đào kênh và mở đường), tờ bản đồ số 03, số thửa 2628, 3007, 3008, 3019, mục đích sử dụng đất chuyên dùng khác và trồng lúa, tọa lạc tại ấp Đ, xã M, huyện Ch, tỉnh An Giang, đã được UBND huyện Ch cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01521 QSDĐ/rB ngày 26/02/1994 cho ông B1.

[5.2] Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ và chính lời khai của các bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều xác định nguồn gốc các diện tích đất nêu trên là của vợ chồng cụ Ng, cụ S để lại. Phía bị đơn cho rằng khi cụ Ng, cụ S còn sống đã tặng cho các diện tích đất trên cho vợ chồng ông B1 bà Th, nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xác định toàn bộ các diện tích đất nêu trên là di sản của cụ Ng, cụ S là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5.3] Do cụ Ng và cụ S chết không để lại di chúc nên Toà án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế theo pháp luật là đúng quy định tại Điều 649, 650 và 651 Bộ luật Dân sự.

[5.4] Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Kỳ C kháng cáo cho rằng toàn bộ các thửa đất trên cụ Ng, cụ S đã tặng cho gia đình bị đơn, thuộc quyền sử dụng, sở hữu của gia đình bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[5.5] Xét kháng cáo của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế:

[5.5.1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Lê Phương D không có yêu cầu đối với diện tích đất 974,1m^2 – trong diện tích đất 7.295,4m^2 (gồm diện tích đất nghĩa địa 649,2m^2 - thửa 120; diện tích đất con đường đi vào khu mồ mả 324,9m^2) và diện tích đất 523m^2 - trong diện tích đất 23.787m^2 (diện tích đất 523m^2 ông B1 đã chuyển nhượng cho ông Phạm Trường D1) do đó Toà án cấp sơ thẩm đã không xem xét giải quyết đối với các diện tích đất này là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông D về nội dung này.

[5.5.2] Cụ S và cụ Ng có 6 người con gồm: Ông Lê Phương D; bà Lê Thị Bích Ph; bà Lê Thị Bích Th1; ông Lê Phương B, chết năm 1972 có vợ là bà Lâm Ngọc A và con là anh Lê Lâm T; bà Lê Thị Kim Th2; ông Lê Phương B1, chết năm 2011 có vợ là bà Huỳnh Thị Th và con là anh Lê Kỳ H, chị Lê Phương Bảo Tường V, anh Lê Phương K, anh Lê Kỳ C. Quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Kim Th2 từ chối nhận di sản thừa kế theo Giấy khước từ quyền thừa kế ngày 20/11/2014 nên Toà án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế cho 5 suất thừa kế gồm ông D, bà Ph, bà Th1, ông B (đã chết) có người thừa kế theo pháp luật là anh T (vợ ông B là bà A từ chối nhận di sản thừa kế), ông B1 (đã chết) có vợ là bà Th và các con là anh H, chị V, anh K, anh C là đúng pháp luật.

[5.5.3] Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện cụ Ng, cụ S khi còn sống thì ở cùng ông B1 và gia đình ông B1 trực tiếp quản lý sử dụng diện tích đất 7.295,4m^2 và 23.7387m^2, còn diện tích đất 8.268m^2 do bà Ph và bà Th1 quản lý sử dụng nên Toà án cấp sơ thẩm xác định mẹ con bà Th và bà Ph, bà Th1 có công sức gìn giữ, tôn tạo làm tăng giá trị đất, do đó tính công sức gìn giữ, tôn tạo đất cho mẹ con bà Th bằng ¾ giá trị một kỷ phần thừa kế; bà Ph, bà Th1 được ¼ giá trị một kỷ phần thừa kế là có căn cứ, đảm bảo được quyền lợi của các đương sự.

[5.5.4] Theo quy định tại khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự 2015 thì: *"Những người thừa kế có quyền yêu cầu phân chia thừa kế bằng hiện vật; nếu không thể phân chia đều bằng hiện vật thì những người thừa kế có thể thỏa thuận về việc định giá hiện vật và thỏa thuận về người nhận hiện vật; nếu không thỏa thuận được thì hiện vật được bán để chia"*. Như vậy, về nguyên tắc cần ưu tiên chia thừa kế bằng hiện vật; trường hợp không thể chia bằng hiện vật mới thực hiện chia theo giá trị di sản. Trong vụ án này, diện tích đất là di sản thừa kế đủ điều kiện để tách thửa nếu được chia bằng hiện vật. Toà án cấp sơ thẩm nhận định mặc dù ông D và anh T yêu cầu được nhận đất để sử dụng nhưng đất do mẹ con bà Th và bà Ph, bà Th1 đã sử dụng ổn định, lâu dài từ năm 1994 đến nay, trên đất đã trồng cây lâu năm (Xoài) có giá trị, hiện nay ông D, anh T đang thường xuyên sinh sống tại Thành phố Hồ Chí

Minh và có nhà ở ổn định; từ đó giao phần đất diện tích 23.264m^2 và phần đất diện tích 6.321,3m^2 cho bà Th, anh H, chị V, anh K, anh C tiếp tục quản lý sử dụng, giao phần đất diện tích 8.268m^2 cho bà Ph, bà Th1 tiếp tục quản lý sử dụng và người được nhận đất có nghĩa vụ hoàn lại giá trị cho ông D, anh T là chưa phù hợp với quy định pháp luật. Ông Lê Phương D kháng cáo yêu cầu nhận hiện vật là có căn cứ chấp nhận.

[5.5.5] Căn cứ vào chứng thư thẩm định giá số 3653HCM/2022/CT-TĐG/AVC của Công ty TNHH Định giá C thể hiện: Diện tích đất diện tích 23.264m^2, tờ bản đồ số 3, số thửa 3855, 3856, 3857, 3858, 3859, 3860, 3861, 3863, 3864, 3865, 4877, 4879, 4880, mục đích sử dụng đất thổ cư, đất trồng lúa và ao, tọa lạc tại xã T1, huyện Ch, tỉnh An Giang, trong đó có 22.184m^2 đất lúa, đơn giá 192.750 đồng/m^2 và 1.080m^2 đất ao, đơn giá 192.750 đồng/m^2; tổng giá trị **4.484.136.000 đồng**. Diện tích đất 6.321,3m^2, tờ bản đồ số 60, thửa số 115, 119, 121, mục đích sử dụng đất thổ cư, lâu năm khác, tọa lạc tại ấp Đ, xã M, huyện Ch, tỉnh An Giang, trong đó có 600m^2 đất thổ cư, đơn giá 4.936.000 đồng/m^2; diện tích còn lại 5.721,3m^2 đất trồng cây lâu năm, có đơn giá: 257.000 đồng/m^2. Diện tích đất **6.321,3m^2 có giá trị: 4.431.974.100 đồng.** Diện tích 8.268m^2, tờ bản đồ số 03, số thửa 2628, 3007, 3008, 3019, mục đích sử dụng đất chuyên dùng khác và trồng lúa, tọa lạc tại ấp Đ, xã M, huyện Ch, tỉnh An Giang, có đơn giá 192.750 đồng/m^2, có giá trị: **1.593.657.000 đồng.** Như vậy, tổng giá trị di sản là: **10.509.767.100 đồng.**

[5.5.6] Như đoạn [5.5.2] và [5.5.3] nhận định cụ Ng và cụ S có 06 người con nhưng bà Thoa có văn bản từ chối nhận di sản nên di sản được chia làm 05 kỷ phần, do mẹ con bà Th quản lý sử dụng các diện tích đất 7.295,4m^2 và 23.7387m^2 và bà Phương, bà Th1 quản lý, sử dụng diện tích 8.268m^2, có công sức gìn giữ, tôn tạo làm tăng giá trị đất nên những người này được hưởng thêm 1 kỷ phần thừa kế, trong đó mẹ con bà Th được hưởng ¾ kỷ phần thừa kế trị giá 1.313.720.887 đồng, bà Ph, bà Th1 được hưởng ¼ kỷ phần thừa kế trị giá 437.906.963 đồng.

Cụ thể di sản được chia làm 6 kỷ phần, mỗi kỷ phần có giá trị **1.751.627.850 đồng** (10.509.767.100 đồng : 6). Như vậy, bà Th và các con là anh H, chị V, anh K, anh C được chia 3.065.348.737 đồng; bà Ph, bà Th1 mỗi người được chia 1.970.581.331 đồng; ông D và anh T mỗi người được chia 1.751.627.850 đồng.

[5.5.7] Đối với phần đất diện tích 8.268m^2 (giá trị 1.593.657.000 đồng) các bên thống nhất từ trước đến nay đều do bà Ph, bà Th1 quản lý, sử dụng và canh tác trên đất nên giao cho bà Ph, bà Th1 tiếp tục quản lý phần diện tích đất này.

Hiện nay phần diện tích đất 6.321,3m^2 (giá trị 4.431.974.100 đồng) mẹ con bà Th đang sử dụng, có xây dựng nhà ở kiên cố trên đất và trồng 809 cây xoài, 155 cây cóc, 01 cây vú sữa và 01 cây mít trên đất nên cần giao diện tích đất này cho mẹ con bà Th quản lý, sử dụng.

Diện tích đất 23.264m^2 (giá trị 4.484.136.000 đồng, đơn giá 192.750 đồng/m^2) hiện do mẹ con bà Th sử dụng, có cây trồng trên đất. Phần diện tích đất này được phân chia như sau: (1) Ông Lê Phương D được giao sử dụng phần diện tích đất 6.300m^2 được giới hạn tại các điểm 1, 2, 3, 4, 24, 30, 18, 19 theo Mảnh trích đo sơ đồ khu đất tranh chấp được Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Ch lập

ngày 25/6/2018; giá trị quyền sử dụng đất 6.300m^2 x 192.750 đồng/m^2 = 1.214.325.000 đồng. (2) Anh Lê Lâm T được giao sử dụng phần diện tích đất 6.300m^2 được giới hạn tại các điểm 30, 24, 25, 16, 17 theo Mảnh trích đo sơ đồ khu đất tranh chấp được Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Ch lập ngày 25/6/2018; giá trị quyền sử dụng đất 6.300m^2 x 192.750 đồng/m^2 = 1.214.325.000 đồng; (3) Bà Th, anh H, chị V, anh K, anh C được giao sử dụng diện tích đất 10.664m^2 được giới hạn bởi các điểm 16, 25, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 28, 29, 15 theo Mảnh trích đo sơ đồ khu đất tranh chấp được Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Ch lập ngày 25/6/2018; giá trị quyền sử dụng đất 10.664m^2 x 192.750 đồng/m^2 = 2.055.486.000 đồng.

Bà Th, anh H, chị V, anh K, anh C được giao sử dụng 6.321,3m^2 và 10.664m^2, có tổng giá trị 6.487.460.100 đồng (trên giá trị thừa kế được nhận theo pháp luật 3.065.348.737 đồng) nên cần buộc bà Th, anh H, chị V, anh K, anh C có nghĩa vụ giao lại cho bà Ph, bà Th1 phần chênh lệch còn thiếu 2.347.505.662 đồng (3.941.162.662 đồng - 1.593.657.000 đồng) và ông D, anh T mỗi người 537.302.850 đồng phần chênh lệch còn thiếu.

[5.5.8] Do ông D, anh T nhận diện tích đất có cây trồng do bà Th, anh H, chị V, anh K, anh C trồng nên ông D, anh T cần phải thanh toán lại giá trị cây trồng trên đất cho bà Th, anh H, chị V, anh K, anh C.

Theo Chứng thư thẩm định giá số 3653HCM/2022/CT-TĐG/AVC của Công ty TNHH Định giá C thể hiện: Trên diện tích đất 23.264m^2 có 100 cây xoài trồng năm 2012 giá trị 240.000.000 đồng, 1459 cây xoài trồng năm 2016 giá trị 2.122.845.000 đồng, 1015 cây cóc trồng năm 2016 có giá trị 487.200.000 đồng; tổng giá trị cây trồng 2.850.045.000 đồng. Ông D đồng ý với kết quả định giá cây trồng trên diện tích đất 23.264m^2 và không khiếu nại. Do không xác định được cụ thể từng cây trồng trên vị trí đất được phân chia tại mục [5.5.7] nên Hội đồng xét xử xác định giá trị cây trồng theo m^2 đất; cụ thể mỗi m^2 đất có giá trị cây trồng là 122.509 đồng (2.850.045.000 đồng : 23.264m^2).

Ông D, anh T mỗi người nhận 6.300m^2 đất nên mỗi người phải hoàn trả cho bà Th, anh H, chị V, anh K, anh C 771.806.700 đồng. Khấu trừ khoản chênh lệch bà Th, anh H, chị V, anh K, anh C phải thanh toán cho ông D, anh T tại mục [5.5.7] thì ông D, anh T mỗi người phải thanh toán cho bà Th, anh H, chị V, anh K, anh C **234.503.850 đồng**.

[5.6] Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn; sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định trên.

[6] Về án phí, chi phí tố tụng khác:

[6.1] Án phí, chi phí tố tụng sơ thẩm:

- Do giá trị di sản thừa kế có sự thay đổi nên án phí dân sự sơ thẩm được tính lại như sau:

Các đương sự phải chịu án phí tương ứng với phần giá trị tài sản được nhận, cụ thể:

+ Ông Lê Phương D phải chịu 64.548.836 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Án phí được khấu trừ vào 5.500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0015939 ngày 24/5/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang nên ông D còn phải nộp thêm 59.048.836 đồng.

+ Bà Huỳnh Thị Th, anh Lê Kỳ H, chị Lê Phương Bảo Tường V, anh Lê Phương K, anh Lê Kỳ C phải chịu số tiền 93.306.975 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Lê Thị Bích Ph và bà Lê Thị Bích Th1, mỗi người phải chịu 71.117.440 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh Lê Lâm T phải chịu số tiền 64.548.836 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chi phí đo đạc, định giá và thẩm định tại chỗ: Ông Lê Phương D đã nộp số tiền 18.755.000 đồng tạm ứng các chi phí trên cho Tòa án cấp sơ thẩm để thực hiện. Vì vậy, bà Ph, bà Th1, anh T, mỗi người phải thanh toán lại cho ông Lê Phương D 3.751.000 đồng. Bà Th, anh H, chị V, anh K, anh C thanh toán lại cho ông Lê Phương D 3.751.000 đồng.

[6.2] Án phí, chi phí tố tụng phúc thẩm:

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

- Chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm: Trong quá trình xét xử phúc thẩm, anh Lê Kỳ H (đại diện cho các bị đơn) có yêu cầu định giá lại tài sản tranh chấp. Tại biên bản làm việc ngày 12/4/2022 ông D, anh H thoả thuận mỗi bên chịu ½ chi phí định giá lại. Do ông D đã tạm ứng số tiền 31.500.000 đồng định giá lại tài sản theo phiếu thu của Công ty TNHH Định giá C nên buộc các bị đơn thanh toán lại cho ông D 15.750.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 138, Điều 140, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn; sửa bản án sơ thẩm như sau:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phương D yêu cầu được chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật của cụ Lê Bảo Ng, chết năm 1994 và cụ Nguyễn Thị S, chết năm 1990.

2/. Chia cho bà Huỳnh Thị Th, anh Lê Kỳ H, chị Lê Phương Bảo Tường V, anh Lê Phương K, anh Lê Kỳ C (người kế thừa của ông Lê Phương B1) phần đất diện tích 10.664m^2 theo Sơ đồ khu đất tranh chấp do Văn phòng Đăng ký đất đai

chi nhánh Ch lập ngày 25/6/2018 được giới hạn bởi các điểm 16, 25, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 28, 29, 15 tọa lạc tại xã T1, huyện Ch, tỉnh An Giang trị giá **2.055.486.000 đồng** và phần đất diện tích 6.321,3m^2 theo Sơ đồ khu đất tranh chấp do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Ch lập ngày 08/12/2017 được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 5, 6 có diện tích 3.880,7m^2; các điểm 5, 6, 7, 8 có diện tích 928,9m^2 và các điểm 1, 2, 3, 4, 5 có diện tích 1.511,7m^2, tọa lạc tại ấp Đ, xã M, huyện Ch, tỉnh An Giang trị giá **4.431.974.100 đồng.**

3/. Chia cho bà Lê Thị Bích Ph và bà Lê Thị Bích Th1 phần đất diện tích 8.268m^2 theo Sơ đồ khu đất tranh chấp do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Ch lập ngày 08/12/2017 được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, tọa lạc tại ấp Đ, xã M, huyện Ch, tỉnh An Giang trị giá **1.593.657.000 đồng.**

4/. Chia cho ông Lê Phương D phần đất diện tích 6.300m^2 theo Sơ đồ khu đất tranh chấp do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Ch lập ngày 25/6/2018 được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 24, 30, 18, 19 tọa lạc tại xã T1, huyện Ch, tỉnh An Giang trị giá **1.214.325.000 đồng.**

5/. Chia cho anh Lê Lâm T phần đất diện tích 6.300m^2 theo Sơ đồ khu đất tranh chấp do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Ch lập ngày 25/6/2018 được giới hạn bởi các điểm 30, 24, 25, 16, 17 tọa lạc tại xã T1, huyện Ch, tỉnh An Giang trị giá **1.214.325.000 đồng.**

6/. Bà Huỳnh Thị Th, anh Lê Kỳ H, chị Lê Phương Bảo Tường V, anh Lê Phương K, anh Lê Kỳ C có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị Bích Ph và bà Lê Thị Bích Th1 số tiền chênh lệch **2.347.505.662 đồng.**

7/. Ông Lê Phương D có nghĩa vụ thanh toán cho cho bà Huỳnh Thị Th, anh Lê Kỳ H, chị Lê Phương Bảo Tường V, anh Lê Phương K, anh Lê Kỳ C **234.503.850** giá trị cây trồng trên đất.

8/. Anh Lê Lâm T có nghĩa vụ thanh toán cho cho bà Huỳnh Thị Th, anh Lê Kỳ H, chị Lê Phương Bảo Tường V, anh Lê Phương K, anh Lê Kỳ C **234.503.850** giá trị cây trồng trên đất.

9/. Hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01521 QSDĐ/rB ngày 26/02/1994; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01501 QSDĐ/rB ngày 03/6/1994 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03837/rB ngày 14/12/2001 đã cấp cho ông Lê Phương B1.

Các đương sự căn cứ quyết định của bản án này để liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền thực hiện đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

10/. Án phí, chi phí tố tụng sơ thẩm:

10.1/. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Phương D phải chịu 64.548.836 đồng án phí dân sự sơ thẩm; khấu trừ 5.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông Lê Phương D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015939 ngày 24/5/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang; ông Lê Phương D còn phải nộp tiếp 59.048.836 đồng.

Bà Huỳnh Thị Th, anh Lê Kỳ H, chị Lê Phương Bảo Tường V, anh Lê Phương K, anh Lê Kỳ C phải chịu số tiền 93.306.975 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Bích Ph phải chịu 71.117.440 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Bích Th1 phải chịu 71.117.440 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Lâm T phải chịu số tiền 64.548.836 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

10.2/. Chi phí tố tụng khác:

Bà Huỳnh Thị Th, anh Lê Kỳ H, chị Lê Phương Bảo Tường V, anh Lê Phương K, anh Lê Kỳ C thanh toán lại cho ông Lê Phương D số tiền 3.751.000 đồng chi phí đo đạc, định giá, thẩm định mà ông Lê Phương D đã đóng tạm ứng cho Tòa án cấp sơ thẩm.

Bà Lê Thị Bích Ph và bà Lê Thị Bích Th1, anh Lê Lâm T mỗi người phải thanh toán lại cho ông Lê Phương D số tiền 3.751.000 đồng chi phí đo đạc, định giá, thẩm định mà ông Lê Phương D đã đóng tạm ứng cho Tòa án cấp sơ thẩm.

11/. Án phí, chi phí tố tụng phúc thẩm:

11.1/. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Phương D, Bà Huỳnh Thị Th, anh Lê Kỳ H, chị Lê Phương Bảo Tường V, anh Lê Phương K, anh Lê Kỳ C không phải chịu. Cục Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang hoàn trả cho Ông Lê Phương D, Bà Huỳnh Thị Th, anh Lê Kỳ H, chị Lê Phương Bảo Tường V, anh Lê Phương K, anh Lê Kỳ C mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm các ông, bà đã nộp theo các biên lai số 0005300 ngày 20/8/2020; biên lai số 0005315, 0005317, 0005314, 0005316 cùng ngày 15/9/2020 và biên lai số 0005318 ngày 17/9/2020 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang.

11.2/. Chi phí tố tụng phúc thẩm:

Bà Huỳnh Thị Th, anh Lê Kỳ H, chị Lê Phương Bảo Tường V, anh Lê Phương K, anh Lê Kỳ C thanh toán lại cho ông Lê Phương D 15.750.000 đồng chi phí trưng cầu định giá lại.

12/. Kèm theo bản án Mảnh trích đo địa chính được Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Ch lập ngày 08/12/2017 và ngày 25/6/2018 để thi hành.

13/. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

14/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung

năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

15/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- ĐS (12);
- Lưu VP(3), HS(2).22b.HDT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Minh Thịnh